

# SẢN XUẤT

## HÀ NỘI CHỦ ĐỘNG PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM VÀ DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI



Hà Nội hiện có tổng đàn gia súc, gia cầm lớn, luôn đứng ở tốp đầu của cả nước, với số lượng con: Trâu bò 180,3 ngàn con (68.150 hộ, cơ sở chăn nuôi); Lợn 2,04 triệu con (101.813 hộ, cơ sở chăn nuôi); Gia cầm 26,68 triệu con (134.365 hộ); Đàn chó, mèo: 493,5 ngàn con (264.900 hộ nuôi). Ngoài ra, chăn nuôi dê có tổng đàn khoảng 14.749 con (460 hộ chăn nuôi); đàn chim cú nuôi 4,4 triệu con (504 hộ chăn nuôi).

Trên địa bàn Thành phố hiện có nhiều công ty, xí nghiệp có chăn nuôi gia súc, gia cầm như: Trạm nghiên cứu sản xuất tinh đông lạnh Moncada, Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì, Công ty giống gia súc Hà Nội, Công ty Đông Thành... với số trâu, bò nuôi khoảng 22.500 con, chiếm 12% tổng đàn. Có 283 công ty, xí nghiệp, HTX, Trung tâm, doanh nghiệp có chăn nuôi lợn như: CP, Dabaco, Việt Hưng, JaFa, HTX chăn nuôi huyện Đan Phượng, Công ty cổ phần giống vật nuôi Hà Nội, HTX Hòa Mỹ, Công ty Giống gia súc Hà Nội... với tổng đàn nuôi 450 nghìn con (chiếm tỷ lệ 22% tổng đàn lợn toàn Thành phố). Có 290 công ty, xí nghiệp, HTX, Trung tâm, doanh nghiệp nuôi gia cầm (với tổng đàn nuôi khoảng 2,1 triệu con, chiếm tỷ lệ 8% tổng đàn toàn thành phố). Tuy nhiên, chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn Thành phố hiện vẫn ở mức cao, chiếm trên 60%.

**Về hoạt động kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật, sản phẩm động vật:** Hà Nội tiếp giáp với 8 tỉnh, thành phố, có nhiều trục đường, cửa ngõ ra vào Thành phố, vì vậy công tác quản

lý dịch bệnh động vật, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật gặp nhiều khó khăn và rất phức tạp. Hàng ngày, kiểm soát, kiểm dịch nhập về trâu, bò khoảng 300 con, lợn gần 4 ngàn con, gia cầm trên 36 ngàn con; trứng gia cầm 48 ngàn quả. Xuất đi các tỉnh, thành phố trên 1.700 ngàn con lợn, 110 ngàn con gia cầm, 5.100 quả trứng gia cầm.

Có 988 cơ sở giết mổ (trong đó 7 cơ sở giết mổ công nghiệp, 44 cơ sở bán công nghiệp), hàng ngày kiểm soát trâu, bò 200 con; lợn gần 4 ngàn con, gia cầm 28 ngàn con. Có chợ đầu mối gia cầm lớn nhất nước tại chợ Hà Vĩ (huyện Thường Tín) tiêu thụ khoảng 40 - 60 tấn gia cầm/ngày. Riêng lò mổ lợn Vạn Phúc (Thanh Trì) hàng ngày giết mổ từ 1.700 - 2.000 con, số lợn trên khoảng 70% nhập từ các tỉnh, thành phố khác về.

**Một số kết quả trọng tâm trong phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn Thành phố đã đạt được:** Về giám sát dịch bệnh, tiếp tục kiện toàn,

củng cố hệ thống thú y cơ sở, giám sát chặt chẽ dịch bệnh đến thôn, xóm, cụm dân cư; Duy trì nghiêm chế độ báo cáo hàng ngày theo đường dây nóng phòng, chống dịch bệnh của Thành phố.

Tiêm phòng gia súc, gia cầm: Xác định đây là việc trọng tâm để chủ động phòng chống dịch bệnh; thực hiện tiêm phòng 2 đợt đại trà/năm; tiêm bổ sung hàng tháng cho gia súc, gia cầm phát sinh, nhập đàn. Đến nay, đã đảm bảo tiêm phòng cho 100% đàn trâu, bò, lợn nái, đực giống, đàn gia cầm sinh sản. Đối với đàn gia súc, gia cầm thương phẩm đã làm tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo để người dân chủ động thực hiện. Tiêm phòng vắc xin Đại cho đàn chó, mèo đạt trên 92% trong diện tiêm.

Vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường phòng chống dịch bệnh: Hàng năm, tổ chức 5-6 đợt vệ sinh tiêu độc đại trà để làm sạch môi trường, chủ động ngăn chặn dịch bệnh. Đến nay, đã thực hiện xong 2 đợt lớn với tổng diện tích đã tiêu độc được trên 278 triệu m<sup>2</sup>. Đã thực hiện xong. "Tháng vệ

sinh tiêu độc khử trùng” theo phát động của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong tháng 8/2018.

Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh: Tập trung chỉ đạo xây dựng cơ sở An toàn dịch bệnh gia súc, gia cầm theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh Đại trong Chương trình khống chế bệnh Đại giai đoạn 2018 - 2021. Công tác quản lý giống, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn: Chỉ đạo thực hiện tốt việc quản lý hoạt động sản xuất giống, cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (1.410 đại lý kinh doanh thức ăn; 715 cơ sở kinh doanh thuốc thú y). Thông tin tuyên truyền, thanh tra kiểm tra: Thành phố đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, đã thành lập nhiều đoàn kiểm tra đi kiểm tra công tác triển khai đến các địa phương, cơ sở chăn nuôi lớn, các doanh nghiệp kinh doanh thuốc Thú y. Đã tiến hành xử phạt nhiều trường hợp đảm bảo rắn đe, ngăn chặn các vi phạm.

Công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn Thành phố đã đạt được những điểm nhấn đáng kể đó là không để dịch bệnh lớn xảy ra, đặc biệt các dịch bệnh nguy hiểm (như Đại, Tai Xanh, Lở mồm long móng, Cúm gia cầm ...); Một số ổ dịch nhỏ lẻ được phát hiện sớm, ngăn chặn kịp thời. Chăn nuôi của Thành phố tiếp tục có bước tăng trưởng khá (chiếm khoảng 56 % cơ cấu trong nông nghiệp).

### **Công tác phòng chống Dịch tả lợn Châu**

**Phi:** Dự báo, nguy cơ xảy ra và bùng phát dịch là rất cao do Hà Nội rất gần với các tỉnh biên giới; nhiều đường ra vào Thành phố. Có tổng đàn lợn lớn (trên 2 triệu con); có lò mổ Thanh Trì hàng ngày giết mổ từ 1.700-2.000 con lợn; số lợn trên có nhiều lợn nhập từ nơi khác về trong đó có các tỉnh biên giới; Tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ còn cao (trên 60%); Thời tiết khí hậu diễn biến phức tạp; Dịp cuối năm lưu lượng gia súc, gia cầm ra, vào thành phố rất lớn.

Ngay sau khi có Công điện của Bộ Nông nghiệp

và PTNT (ngày 30/8/2018) UBND thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan và UBND các huyện thực hiện các giải pháp. Tuyên truyền mạnh mẽ người dân hiểu rõ về bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, chủ động thực hiện tốt các giải pháp phòng bệnh; Chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động kiểm dịch vận chuyển lưu thông, tập trung ở các chợ đầu mối, các cơ sở giết mổ; nhất là việc nhập lợn từ các tỉnh biên giới (như Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng ...) về Hà Nội; Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh đến tận thôn xóm; Ngành Thú y lấy mẫu kiểm tra tại các khu vực lây nhiễm cao để dự báo tình hình; Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về nhập lậu, nhập lợn không rõ nguồn gốc; Tập trung ở các chợ đầu mối, các điểm cơ sở giết mổ lợn lớn (Thanh Trì, Chương Mỹ ...). Tiếp tục phát động tổng tẩy uế môi trường, vệ sinh tiêu độc trên địa bàn toàn Thành phố. Tổ chức tiêm phòng các loại vắc xin phòng, chống dịch bệnh (Dịch tả, tụ huyết trùng, phó thương hàn, tai xanh) nhằm chống nguy cơ kể phát bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra việc triển khai tại các quận huyện, thị xã; Tăng cường đầu tư công tác phòng chống dịch bệnh; sẵn sàng tổ chức Diễn tập công tác phòng chống dịch bệnh Dịch tả Châu Phi để chủ động đối phó khi có dịch xảy ra.

Thành phố cũng đang đề xuất kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Bộ, ngành liên quan tập trung quản lý chặt chẽ việc nhập lợn từ các nước (đặc biệt từ Trung Quốc) vào Việt Nam; Tăng cường quản lý xuất, nhập động vật và sản phẩm động vật; Tiếp tục phát động “Tháng vệ sinh tiêu độc” toàn khu vực các tỉnh phía Bắc để hạn chế, ngăn chặn dịch tạo sự đồng bộ tại các tỉnh, thành phố; Sớm nghiên cứu sản xuất hoặc nhập vắc xin để chủ động phòng bệnh. Tăng cường kiện toàn mạng lưới thú y cơ sở để thực hiện tốt việc giám sát dịch bệnh; đầu tư trang thiết bị dụng cụ chuyên ngành để chủ động phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và bệnh Dịch tả lợn Châu Phi./.

**Nguyễn Ngọc Sơn**

## KIỂM TRA CHƯƠNG TRÌNH 02 - CTR/ TU TẠI HUYỆN SÓC SƠN



Đồng chí Ngô Thị Thanh Hằng - Ủy viên T.Ư Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy - Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới (NTM), nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016 - 2020 vừa có buổi kiểm tra và làm việc về thực hiện Chương trình 02 tại huyện Sóc Sơn.

Đồng chí Ngô Thị Thanh Hằng cùng đoàn công tác đã đi tham quan mô hình tại xã Minh Phú, xã phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2018. Đến thăm mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Công ty cổ phần KMS. Công ty sản xuất chủ yếu loại nấm gồm: Sò yến, đùi gà, ngọc châu, nấm sò NoTaKy, nấm hương tươi, nấm sùng hươu, Đông cô và linh chi, với sản lượng khoảng 600kg đến 800kg/ngày. Khu vực sản xuất tại xưởng đã giúp tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 30 nhân công. Đến nay, nấm KMS đã được cung cấp cho Công ty phát triển nông nghiệp Vineco, tất cả các siêu thị lớn, siêu thị Vinmart, BigC và cả hệ thống siêu thị Fivimart, Aeon, Megas và hệ thống siêu thị mini toàn quốc. Đoàn cũng đến thăm mô hình trang trại tổng hợp của hộ gia đình ông Đặng Quang Tiến... Đây là những điển hình trong sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, đem lại hiệu quả kinh tế lớn giúp người dân phát triển bền vững..

Tại buổi làm việc, đại diện lãnh đạo huyện Sóc Sơn cho biết: Sau hơn 2 năm thực hiện Chương trình 02-CTR/TU của Thành ủy, bộ mặt nông thôn và đời sống người dân của huyện Sóc Sơn có nhiều

chuyển biến tích cực. Cụ thể, về xây dựng NTM, đến nay huyện đã có 18/25 xã đạt chuẩn NTM, 7 xã còn lại đạt từ 14 - 17 tiêu chí và huyện phấn đấu sẽ hoàn thành NTM vào năm 2019.

Toàn huyện đã thực hiện dồn điền, đổi thửa với tổng diện tích 10.845ha. Sau dồn điền, đổi thửa đã hình thành 32 vùng sản xuất chuyên canh tập trung với nhiều mô hình cho giá trị kinh tế cao và góp phần tăng hiệu quả cho người sản xuất từ 1,5 - 2 lần so với trước đây. Ngoài ra, từ năm 2016 đến nay, toàn huyện huy động được 1.312 tỷ đồng cho xây dựng NTM. Nhân dân đã hiến hơn 7.500m<sup>2</sup> đất thổ cư trị giá 15 tỷ đồng để phục vụ công tác xây dựng NTM. Đời sống người nông dân trên địa bàn huyện từng bước được nâng cao và các thiết chế văn hóa ở cơ sở được tập trung hoàn thiện. Theo đó, thu nhập bình quân đầu người của huyện tăng từ 29,8 triệu đồng/người/năm (năm 2015) lên 39,5 triệu đồng/người/năm (năm 2017); tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,72% theo chuẩn nghèo đa chiều; 92% lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên...

Phát biểu tại hội nghị, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Ngô Thị Thanh Hằng đề nghị, huyện Sóc Sơn cần tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ xây dựng NTM là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu giai đoạn 2016 - 2020.

Ngoài ra, phải đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch; phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, công nghệ sạch có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao; tăng cường xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển nông nghiệp. Huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội hóa để đầu tư vào nông thôn, đặc biệt là hạ tầng xã hội, giao thông (trường học, bệnh viện, trạm y tế...).

Đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh quy hoạch, lập quy hoạch chi tiết và đề án xây dựng NTM của các xã gắn với quy hoạch khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn. Quan tâm nhiều hơn tới bảo vệ môi trường nông thôn, thực hiện tốt trật tự, văn minh đô thị ở thị trấn. Củng cố, đổi mới hoạt động của các hợp tác xã và phát triển đa dạng các hình thức hợp tác ở nông thôn để tạo điều kiện khuyến khích các hợp

tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã. Cùng với đó, phải xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở (nhất là thôn, làng, cụm dân cư) trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ công chức./.

**Huy Hoàng**

## **ĐOÀN CÁN BỘ MIỀN TRUNG THAM QUAN HỌC TẬP MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ TẠI HÀ NỘI**



Đoàn cán bộ Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi và Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp thị xã Điện Bàn (tỉnh Quảng Nam) vừa có chuyến tham quan học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả tại Hà Nội.

Tại Hà Nội, đoàn đã có buổi làm việc với Trung tâm Khuyến nông Hà Nội về cơ cấu tổ chức, kết quả hoạt động khuyến nông 9 tháng đầu năm, kế hoạch 3 tháng cuối năm 2018, đặc biệt là trao đổi kinh nghiệm về hoạt động quỹ khuyến nông và một số mô hình sản xuất hiệu quả của Thành phố Hà Nội như mô hình sản xuất hoa, rau ứng dụng công nghệ cao, mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học...

Trong khuôn khổ chuyến làm việc, đoàn đã đi tham quan mô hình sản xuất rau hữu cơ ứng dụng công nghệ cao tại hộ gia đình chị Đặng Thị Cuối (xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng) và trang trại Hoa Viên (xã Yên Bình, huyện Thạch Thất). Đây là những mô hình tiêu biểu của thành phố Hà Nội về sản xuất rau hữu cơ và chăn nuôi theo hướng hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Bắt đầu xây dựng mô hình từ tháng 6/2017, đến nay, mô hình sản xuất rau của gia đình chị Cuối có diện tích khoảng 4,6 ha, kinh phí đầu tư hơn 2 tỷ đồng. Ngoài 20 nhà kính được trang bị hiện đại với nhiều thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài trồng nhiều loại rau như cải ăn lá, rau muống, rau dền..., anh chị còn trồng thêm măng tây xanh, bắp cải, su hào..., ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm. Hiện tại, gia đình chị Cuối đã kết nối được với nhiều công ty, cơ quan, đơn vị, trường mầm non và người dân trên địa bàn nên đầu ra luôn ổn định.

Trang trại Hoa Viên (Thạch Thất) hoạt động theo mô hình khép kín từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Với quy mô trên 60 ha, trong đó phân thành 2 khu sản xuất chính: Khu chăn nuôi lợn rừng theo quy trình chăn nuôi hữu cơ có diện tích 10 ha, nuôi trên 1.000 lợn bố mẹ, mỗi năm cung ứng cho thị trường trên 10.000 lợn giống và lợn thương phẩm. Khu sản xuất rau hữu cơ với diện tích gần 10 ha, chủ yếu trồng các loại rau rừng đặc sản như: Rau sắng, rau bò khai, rau dền chua đỏ, rau dớn. Sản lượng cung cấp ra thị trường bình quân 300 tấn/năm.

Kết thúc chuyến làm việc, đoàn cán bộ khuyến nông các tỉnh đánh giá cao những kinh nghiệm về mô hình sản xuất rau hữu cơ, chăn nuôi hữu cơ của Hà Nội. Đó sẽ là kiến thức bổ ích để đoàn có thể áp dụng vào thực tế sản xuất tại địa phương./.

**Nguyễn Thúy**

## DIỄN ĐÀN KINH DOANH NÔNG SẢN, RAU AN TOÀN NĂM 2018



Diễn đàn kinh doanh nông sản, rau an toàn trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2018 vừa được tổ chức tại Trung tâm Phụ nữ và Phát triển (Số 20 - Thụy Khuê, quận Tây Hồ). Sự kiện thu hút khoảng 200 đại biểu đến từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nông sản an toàn TP. Hà Nội và 6 tỉnh, thành phố phía Bắc.

Diễn đàn kinh doanh nông sản, rau an toàn trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2018 do Trung tâm

Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP. Hà Nội (HPA) phối hợp với Liên đoàn lao động Thành phố, Hội liên hiệp phụ nữ thành phố và Dự án Tăng cường độ tin cậy trong lĩnh vực sản xuất cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc (JICA) tổ chức.

Diễn đàn tập trung vào thảo luận với chuyên đề: Kết nối xúc tiến thương mại sản xuất kinh doanh và tiêu thụ nông sản, rau an toàn trên địa bàn TP. Hà Nội thông qua trang web Nông sản an toàn Hà Nội ([nongsanantoanhanoi.gov.vn](http://nongsanantoanhanoi.gov.vn)); Nâng cao nhận thức và vai trò tham gia kết nối tiêu thụ của người tiêu dùng Thủ đô thông qua các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội.

Ngoài ra, bên lề diễn đàn có hoạt động kết nối kinh doanh tại khu vực trưng bày sản phẩm với gần 40 bàn trưng bày sản phẩm của các tỉnh thuộc Dự án và các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp tại Hà Nội./.

**Lưu Phương**

## TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ NỘI NGHIỆM THU MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA VỤ MÙA



Trung tâm Khuyến nông Hà Nội vừa tổ chức đợt nghiệm thu mô hình trình diễn lúa mới năng suất chất lượng và mô hình xây dựng cánh đồng lúa cấy một giống gắn với tiêu thụ sản phẩm vụ mùa năm 2018.

Vụ mùa 2018, Trung tâm Khuyến nông Hà Nội tiếp tục triển khai xây dựng các dạng mô hình trình diễn lúa, đó là mô hình trình diễn các giống lúa mới năng suất, chất lượng (tại 8 điểm trên địa

bàn 8 huyện) qui mô 80ha bằng các giống Đông A1, LTH 31, Lam Sơn 116, HDT 10 và mô hình cánh đồng cấy một giống gắn với tiêu thụ sản phẩm (tại 5 điểm trên địa bàn 5 huyện) qui mô 100ha. Tham gia mô hình bà con nông dân được hỗ trợ 100% giống và 30% vật tư. Các dạng mô hình khuyến nông trình diễn đối với cây lúa được bà con đón nhận và hưởng ứng tích cực, do đó các mô hình được triển khai đúng khung thời vụ, theo đúng quy định và quy trình kỹ thuật. Qua đánh giá, các điểm trình diễn mô hình đều triển khai và đạt được theo đúng kế hoạch đề ra, lúa sinh trưởng, phát triển tốt, dự kiến cho năng suất cao.

Từ kết quả đánh giá của cả 2 vụ, Trung tâm Khuyến nông sẽ đề xuất với Sở NN&PTNT Hà Nội đưa các giống lúa mới cho năng suất, chất lượng tốt bổ sung vào cơ cấu giống lúa năm 2019 của thành phố, nhằm giúp cho sản xuất lúa của Hà Nội nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả./.

**Lưu Phương**

**BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG XÂM NHIỄM****1. Đặc điểm chung của bệnh Dịch tả lợn châu Phi**

Bệnh Dịch tả lợn châu Phi (tên tiếng Anh là African swine fever - ASF) là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi rút gây ra. Bệnh có đặc điểm lây lan nhanh và xảy ra ở mọi loài lợn (cả lợn nhà và lợn hoang dã); bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi và mọi loại lợn. Bệnh gây thiệt hại nghiêm trọng với tỷ lệ chết cao lên đến 100%. Vi rút gây ra bệnh Dịch tả lợn châu Phi (ASFV) có sức đề kháng cao trong môi trường. Lợn khỏi bệnh có khả năng mang vi rút trong thời gian dài, có thể là vật chủ mang trùng suốt đời, do vậy khó có thể loại trừ được bệnh nếu để xảy ra bệnh Dịch tả lợn châu Phi.

**2. Đặc điểm của vi rút Dịch tả lợn châu Phi**

- Vi rút Dịch tả lợn châu Phi là vi rút có gen di truyền dạng ADN, có vỏ bọc dạng Icoahedral, kích thước lớn, là Irido-vi rút và xếp vào họ Iridoviridae, nhưng sau đó được phân loại vào chi mới chuyên biệt là chi Genus Asfi-vi rút thuộc họ Asfarviridae. Vi rút có 1 serotype, nhưng phát hiện có tới 16 genotypes và nhiều chủng khác nhau có độc lực khác nhau.

- Vi rút Dịch tả lợn châu Phi được tìm thấy trong máu, cơ quan, dịch bài tiết từ lợn nhiễm bệnh và chết bởi bệnh này. Lợn sau khi khỏi bệnh sẽ ở thể miễn tính có thể mang vi rút suốt đời. Ngoài ra, ve mềm thuộc chi Ornithodoros là một vector sinh học trong tự nhiên.

- Vi rút Dịch tả lợn châu Phi có sức đề kháng cao, có thể tồn tại trong chất tiết, dịch tiết, trong xác động vật, trong thịt lợn và các chế phẩm từ thịt lợn như xúc xích, giăm bông, salami. Vi rút có khả năng chịu được nhiệt độ thấp, đặc biệt là trong các sản phẩm thịt lợn sống hoặc nấu ở nhiệt độ không cao nên vi rút có thể chịu được trong thời gian dài 3-6 tháng; vi rút có thể bị tiêu diệt ở nhiệt độ 56°C trong 70 phút hoặc ở 60°C trong 20 phút. Vi rút sống trong máu đã phân hủy được 15 tuần; trong máu khô được 70 ngày; trong phân ở nhiệt độ phòng được 11 ngày; trong máu lợn ở nhiệt độ 4°C trong 18 tháng; trong thịt dính xương ở nhiệt độ 39°C được 150 ngày; trong

giăm bông được 140 ngày và ở nhiệt độ 50°C tồn tại trong 3 giờ.

Trong môi trường không có huyết thanh, vi rút có thể bị phá hủy ở pH < 3,9 hoặc ở pH > 11,5. Môi trường có huyết thanh vi rút có thể tồn tại được ở pH = 13,4 trong 7 ngày; không có huyết thanh vi rút có thể sống được 21 giờ.

Hóa chất để diệt vi rút Dịch tả lợn châu Phi bao gồm ether, chloroform và hợp chất iodine hoặc sử dụng Sodium hydroxide với tỉ lệ 8/1.000 hoặc formalin với tỉ lệ 3/1.000 hoặc chất tẩy trắng hypochlorite chứa chlorine 2,3% hoặc chất ortho-phenylphenol 3% nhưng phải duy trì thời gian 30 phút.

**3. Quá trình gây bệnh và lây lan vi rút Dịch tả lợn châu Phi**

- Bệnh Dịch tả lợn châu Phi có thời gian ủ bệnh từ 3 - 15 ngày, ở thể cấp tính thời gian ủ bệnh chỉ từ 3 - 4 ngày.

- Vi rút Dịch tả lợn châu Phi lây nhiễm qua đường hô hấp và tiêu hóa, thông qua sự tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với các vật thể nhiễm vi rút như: chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ, đồ dùng, quần áo nhiễm vi rút và ăn thức ăn thừa chứa thịt lợn nhiễm bệnh hoặc bị ve mềm cắn.

**4. Triệu chứng, bệnh tích của bệnh Dịch tả lợn châu Phi****Chẩn đoán lâm sàng**

- Lợn bị nhiễm Dịch tả lợn châu Phi có nhiều triệu chứng, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của bệnh. Lợn bệnh biểu hiện các triệu chứng không khác biệt so với triệu chứng của bệnh Dịch tả lợn cổ điển (đã và đang có tại Việt Nam). Do đó, việc chẩn đoán Dịch tả lợn châu Phi khó có thể xác định và phân biệt được bằng các triệu chứng lâm sàng; cần lấy mẫu gửi phòng thí nghiệm để xét nghiệm phát hiện vi rút Dịch tả lợn châu Phi.

- Thể quá cấp tính (Peracute) là do vi rút có độc lực cao, lợn sẽ chết nhanh, không biểu hiện triệu chứng hoặc lợn sẽ nằm và sốt cao trước khi chết.

- Thể cấp tính (Acute) là do vi rút có độc lực cao gây ra, lợn sốt cao (40,5-42°C). Trong 2-3 ngày đầu tiên, giảm bạch cầu và giảm tiểu cầu. Lợn không ăn, lười vận động, ủ rũ, nằm chổng đống, lợn thích nằm chỗ có bóng râm hoặc gần nước. Lợn có biểu hiện đau vùng bụng, lưng cong, di chuyển bất thường, một số vùng da trắng chuyển sang màu đỏ, đặc biệt là ở vành tai, đuôi, cẳng chân, da phần dưới vùng ngực và bụng, có thể có màu sẫm xanh tím. Trong 1-2 ngày trước khi con vật chết, có triệu chứng thần kinh, di chuyển không vững, nhịp tim nhanh, thở gấp, khó thở hoặc có bọt lẫn máu ở mũi, viêm mắt, nôn mửa, tiêu chảy đôi khi lẫn máu hoặc có thể táo bón, phân cứng đóng viên có kích thước nhỏ, có chất nhầy và máu. Lợn sẽ chết trong vòng 6-13 hoặc 20 ngày. Lợn mang thai có thể sẩy thai ở mọi giai đoạn. Tỷ lệ chết cao lên tới 100%. Lợn khỏi bệnh hoặc nhiễm vi rút thể mãn tính thường không có triệu chứng, nhưng chúng sẽ là vật chủ mang vi rút Dịch tả lợn châu Phi trong suốt cuộc đời.

- Thể á cấp tính (Subacute) gây ra bởi vi rút có độc tính trung bình. Chủ yếu được tìm thấy ở châu Âu, lợn biểu hiện triệu chứng không nghiêm trọng. Lợn sốt nhẹ hoặc sốt lúc tăng lúc giảm, giảm ăn, sụt cân, ủ rũ, viêm toàn bộ phổi nên khó thở, ho có đờm, phổi có thể bội nhiễm vi khuẩn kế phát, viêm khớp, vận động khó khăn. Bệnh kéo dài 5-30 ngày, nếu máu ứ trong tim (cấp tính hoặc suy tim) thì lợn có thể chết, lợn mang thai sẽ sẩy thai, lợn chết trong vòng 15-45 ngày, tỉ lệ chết khoảng 30-70%. Lợn có thể khỏi hoặc bị bệnh mãn tính.

- Thể mãn tính (Chronic form) gây ra bởi vi rút có độc tính trung bình hoặc thấp, chủ yếu được tìm thấy ở Angola và châu Âu. Lợn có nhiều triệu chứng khác nhau, chẳng hạn như giảm cân, sốt không ổn định, có triệu chứng hô hấp, hoại tử da, hoặc viêm loét da mãn tính, viêm khớp, viêm cơ tim, viêm phổi dính sườn, viêm các khớp khác nhau trong giai đoạn phát triển. Triệu chứng kéo dài 2-15 tháng, có tỷ lệ tử vong thấp, lợn khỏi bệnh sau khi nhiễm vi rút gây nên bệnh sẽ trở thành dạng mãn tính.

### **Bệnh tích**

- Thể cấp tính: Xuất huyết nhiều ở các hạch lympho ở dạ dày, gan và thận. Thận có xuất huyết điểm, lá lách to có nhồi huyết. Da có màu tối và phù nề, da vùng bụng và chân có xuất huyết. Có nhiều nước xung quanh tim và trong xoang ngực hoặc xoang bụng, có các điểm xuất huyết trên nắp thanh quản, bàng quang và bề mặt các cơ quan bên

trong; phù nề trong cấu trúc hạch lâm ba của đại tràng và phần tiếp giáp với túi mật, túi mật sưng.

- Thể mãn tính: Có thể gặp sơ cứng phổi hoặc có các ổ hoại tử hạch, hạch phổi sưng, viêm dính màng phổi

## **5. Chẩn đoán bệnh Dịch tả lợn châu Phi**

### **Chẩn đoán phân biệt**

- Dịch tả lợn châu Phi và Dịch tả lợn cổ điển khó có thể chẩn đoán phân biệt nếu dựa vào các triệu chứng lâm sàng và bệnh tích. Vì vậy, trong mọi trường hợp, phải lấy mẫu xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xét nghiệm phát hiện mầm bệnh.

- Các bệnh khác cần được chẩn đoán phân biệt với bệnh Dịch tả lợn châu Phi bao gồm các bệnh: Bệnh tai xanh (PRRS), đặc biệt là thể cấp tính, bệnh Đóng dấu lợn, bệnh Phó thương hàn, bệnh Tụ huyết trùng, bệnh liên cầu khuẩn do Streptococcus suis, bệnh Glasser, bệnh ký sinh trùng đường máu do Trypanosoma gây ra, Hội chứng viêm da sưng thận do PCV2, bệnh giả dại ở lợn choai và bị ngộ độc muối

### **Lấy mẫu xét nghiệm**

- Lấy mẫu máu lợn đang sốt trong giai đoạn đầu, máu được chống đông bằng bổ sung EDTA 0,5% hoặc Heparin.

- Lách, các hạch bạch huyết, hạch amidan bảo quản ở nhiệt độ 4°C.

- Huyết thanh từ động vật khỏi bệnh, lấy mẫu trong vòng 8-21 ngày sau khi lợn nhiễm bệnh.

### **Xét nghiệm phát hiện vi rút gây bệnh Dịch tả lợn châu Phi**

- Sử dụng tế bào monocytes sơ cấp của lợn hoặc tế bào tủy xương, phần lớn vi rút Dịch tả lợn châu Phi phân lập được sẽ sinh ra Haemadsorption.

- Phát hiện kháng nguyên bằng phương pháp Fluorescent antibody test (FAT) kết quả dương tính của FAT cùng với các triệu chứng và các tổn thương có thể sơ bộ xác định bệnh Dịch tả lợn châu Phi.

- Phương pháp PCR: Là kỹ thuật cần thiết đối với việc xét nghiệm các mẫu lợn nghi bị nhiễm vi rút Dịch tả lợn châu Phi.

- Tiêm động vật thí nghiệm: Hiện không được khuyến cáo sử dụng phương pháp này vì nguy cơ lây lan bệnh cao.

- Kiểm tra huyết thanh bệnh Dịch tả lợn châu Phi bằng kỹ thuật ELISA (Enzyme - linked immunosorbent assay) hoặc IFA (Indirect fluorescent antibody (IFA)).

**Hiện nay bệnh Dịch tả lợn Châu Phi chưa có vaccin phòng bệnh và thuốc điều trị; để chủ động phòng, chống bệnh khuyến cáo bà con cần thực hiện tốt an toàn sinh học trong chăn nuôi, cụ thể:**

1. Tuyệt đối không buôn bán, vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn bất hợp pháp, không rõ nguồn gốc.

2. Thực hiện chăn nuôi khép kín, bảo đảm khu vực chăn nuôi cách ly với môi trường bên ngoài để hạn chế sự lây lan dịch bệnh. Phân chia khu vực chăn nuôi theo tính chất của đàn vật nuôi và tốt nhất nên áp dụng biện pháp “cùng nhập, cùng xuất”.

3. Sử dụng con giống an toàn. Luôn kiểm soát con giống mới nhập về trại và phải có giai đoạn cách ly ban đầu.

4. Tiêm phòng các loại vaccin cho lợn đầy đủ, kịp thời và đạt tỷ lệ cao; đặc biệt vaccin phòng tai xanh, lở mồm long móng, dịch tả lợn cổ điển...

5. Kiểm soát di chuyển, vận chuyển lợn ra vào khu trang trại, chuồng nuôi khi nhập, xuất lợn.

6. Ra vào trại phải nghiêm túc thực hiện vệ sinh sát trùng và rất hạn chế khách thăm trại. Phương tiện vận chuyển thức ăn, vật tư kỹ thuật... phải được vệ sinh sát trùng kỹ.

7. Nuôi dưỡng, chăm sóc tốt để tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi; duy trì việc vệ sinh khử trùng tiêu độc định kỳ bằng hóa chất./.

**Cần Xuân Minh**

## **MỘT SỐ LƯU Ý TRONG SẢN XUẤT CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG NĂM 2018**

Hiện nay lúa vụ mùa đang trong giai đoạn chín sấp và chín hoàn toàn, thời tiết đang thuận lợi cho cây trồng vụ đông ưa ấm. Để sản xuất vụ Đông 2018 đạt được tối đa diện tích gieo trồng và mang lại hiệu quả kinh tế cao, bà con cần lưu ý một số nội dung sau:

### **1. Công tác chuẩn bị trước khi gieo trồng:**

- Đối với diện tích lúa chưa gặt: Tháo hết nước trong ruộng, để khi gặt lúa trồng cây vụ Đông được thuận lợi.

- Khi lúa chín 80 – 85% cần thu hoạch ngay, với phương châm “xanh nhà hơn già đồng”, thực hiện khẩu hiệu “sáng lúa chiều cây vụ đông”.

- Ưu tiên trồng các loại cây rau đậu, các loại cây truyền thống có giá trị kinh tế cao và có thị trường tiêu thụ như: ngô nếp, bí xanh, bí đỏ, hành ta, su hào, súp lơ... trồng lệch vụ, rải vụ để tiêu thụ thuận lợi, cho hiệu quả kinh tế cao.

- Áp dụng biện pháp làm bầu, làm đất tối thiểu hoặc không làm đất, trồng gối đối với cây ưa ấm như: ngô, đậu tương, bí xanh, bí đỏ, khoai lang....

- Ruộng trồng cây vụ đông phải chủ động tưới tiêu, nhất là những năm gần đây thời tiết diễn biến bất thường, thường có mưa ở đầu vụ, cần lên luống, vét rãnh sâu xung quanh để đảm bảo tiêu thoát tốt, đồng thời khi bị hạn tưới nước vào được thuận lợi. Đảm bảo ruộng không bị khô, hạn, ngập úng.

### **2. Thời vụ gieo trồng và cơ cấu giống:**

- Thời vụ: Mỗi loại cây trồng cần được gieo trồng trong khung thời vụ tốt nhất, cụ thể:

+ Đối với cây ưa ấm; Cây ngô lai gieo từ đầu tháng 9 đến 25/9, nhóm ngô quà gieo đến 10/10; Cây đậu tương, cây lạc gieo xong trước 30/9; Cây Khoai lang trồng xong trước 30/9; Cây bí xanh, bí đỏ trồng xong trước 30/9. Nên gieo bầu để tranh thủ thời vụ...Áp dụng các biện pháp làm đất tối thiểu hoặc không làm đất.

(Chú ý: Với cây vụ đông ưa ấm gieo càng sớm năng suất càng cao vì vậy các giống ngắn ngày có thể gieo vào trà của giống dài ngày).

+ Với cây ưa lạnh: Khoai tây trồng từ 20/10 – 15/11,

Cây rau có thể gieo trồng rải vụ...

- Cơ cấu giống: Chủ yếu sử dụng giống ngắn ngày, năng suất cao, cụ thể:

+ Cây đậu tương: các giống có thời gian sinh trưởng trung bình 80 – 90 ngày, như: DT84, DT26, ĐVN5, ĐVN6, ...; các giống ngắn ngày có thời gian sinh trưởng dưới 80 ngày, như: DT12, Đ8, ĐVN9...

+ Cây ngô: Sử dụng các giống ngô lai F1, năng suất cao, thời gian sinh trưởng từ 95 – 100 ngày, như: NK4300, LVN4, NK6654, ngô biến đổi gen. Nhóm ngô quà: HN88, HN 68 MX10...

+ Cây lạc: sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng từ 105 – 110 ngày, kháng bệnh héo xanh, rỉ sắt, đốm nâu, như MD7, L14, L23...

+ Cây Khoai lang: Trồng các giống có thời gian sinh trưởng từ 80 – 100 ngày, như: Hoàng Long, VX-37, TV1...

+ Cây Khoai tây: trồng các giống có thời gian sinh trưởng từ 80 – 90 ngày, như: Solara, Marabel, Bellarosa....

+ Cây rau màu các loại: Mở rộng diện tích trồng cây rau thực phẩm, nhất là cây ưa lạnh có giá trị kinh tế cao, phù hợp với thị trường tiêu thụ, sử dụng hạt giống lai F1.

### **3. Bón phân:**

Bón phân cân đối và hợp lý để nâng cao chất lượng sản phẩm, nên sử dụng phân bón tổng hợp NPK hoặc NPK đa yếu tố chuyên dùng cho từng loại cây, thu gom rơm rạ và các phế phụ phẩm dư thừa để tận dụng nguồn phân hữu cơ, bón đủ lượng, chú ý bón lót là chủ yếu, bón thúc sớm.

### **4. Phòng trừ sâu bệnh:**

Coi trọng công tác phòng trừ sâu bệnh bảo vệ cây trồng vụ đông, sử dụng bẫy bả chua ngọt để diệt con trưởng thành. Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh hại và có biện pháp tổ chức phòng trừ kịp thời theo hướng dẫn của nhân viên BVTV xã, không để lây lan thành dịch. Chú ý các đối tượng như: Sâu khoang, sâu xanh, chuột, nhất là những nơi năm trước đã có ổ dịch./.

**Dương Mạnh Toàn**



## DỰ BÁO THỜI TIẾT 10 NGÀY THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Từ ngày 21 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018)

### 1. Xu thế thời tiết 10 ngày:

Những ngày đầu khu vực chịu ảnh hưởng của rìa tây nam lưỡi áp cao lạnh lục địa hoạt động yếu. Khoảng đêm 25 ngày 26 và ngày 29, 30 khu vực chịu ảnh hưởng của rãnh áp thấp bị nén bởi bộ phận tăng áp ở phía bắc.

### 2. Dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng:

Từ ngày 21-24 và 27-28:

Mây thay đổi, ngày nắng, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió Đông nam cấp 2.

Từ ngày 25,26 và 29,30: Nhiều mây, có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông. Gió Đông bắc cấp 2.

Nhiệt độ trung bình: 27.° - 28.0°C.

Nhiệt độ cao nhất: 31 - 33°C.

Nhiệt độ thấp nhất: 24 - 26°C.

Lượng mưa phổ biến: 30 - 50mm.

Độ ẩm trung bình: 75 - 85%.

Tổng số giờ nắng: 40 - 60 giờ.

Theo Đài KTTV KVĐB Bắc Bộ

## NGHỊ ĐỊNH MỚI VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức cho ban hành nghị định số 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ trong đó có nhiều cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ.

Nông nghiệp hữu cơ – Hộ gia đình sẽ nhận được nhiều hỗ trợ.

Nghị định gồm 8 chương gồm những quy định về sản xuất, chứng nhận, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, kinh doanh, kiểm tra nhà nước các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, và các chính sách sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Nghị định được đưa ra áp dụng đối với các đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân có sản xuất hay có hoạt động liên quan đến sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Trong đó, Chính phủ sẽ hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra, Chính phủ cũng hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại); về hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ, định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ, Nghị định đã đưa ra các nguyên tắc trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Trong đó, điều quan trọng của sản xuất nông nghiệp hữu cơ là không dùng chất hóa học tổng hợp trong các giai đoạn của chuỗi sản xuất, không sử dụng công nghệ biến đổi gen, chất phóng xạ và các công nghệ khác có hại cho sản xuất hữu cơ.

Bên cạnh đó, về vấn đề tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ chủ trì và phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công thương, cùng các bộ, ngành liên quan để đưa ra đánh giá và công bố danh sách các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, hài hòa với tiêu chuẩn quốc gia được áp dụng tại Việt Nam.

Đặc biệt, Nghị định đã đề ra các chính sách để khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ. Trong đó ưu tiên áp dụng các chính sách đã ban hành cho phát triển nông nghiệp hữu cơ có ghi rõ: "Ưu tiên kinh phí khoa học, khuyến nông để thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án khuyến nông"; "Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ được ưu tiên hưởng chính sách khuyến khích đầu tư đối với nông nghiệp nông thôn".

Nghị định 109/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 15-10-2018./.

TT (TH)

## CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Nhằm đẩy mạnh đầu tư tín dụng góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đặc biệt chú trọng vào liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số

55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 116).

Nghị định 116 có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2018, Nghị định này sửa đổi, bổ sung 13 điều khoản và bãi bỏ

một điểm của Nghị định 55/2015/NĐ-CP.

Cụ thể, đối tượng khách hàng vay vốn được sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Bộ Luật dân sự 2015. Theo đó, khách hàng vay vốn gồm cá nhân, pháp nhân; đối với hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân khi tham gia quan hệ vay vốn thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch vay vốn hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch vay vốn.

Nâng mức cho vay tối đa không có tài sản đảm bảo của một số đối tượng khách hàng lên gấp 2 lần mức cho vay tối đa cũ để phù hợp với nhu cầu vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp thực tế hiện nay của một số khách hàng cá nhân, hộ gia đình. Theo đó, cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng; cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn nông thôn từ 100 triệu đồng lên 200 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Nghị định còn bổ sung chính sách hướng tới nông nghiệp công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp, góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Đó là, chính sách khuyến khích nông nghiệp công nghệ cao bổ sung cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác có dự án, phương án sản xuất kinh doanh trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bổ sung doanh nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhưng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh

ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp không thuộc khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tổ chức tín dụng xem xét cho vay tối đa 70% nhu cầu vốn thực hiện dự án. Trước đó Nghị định 55 chỉ quy định doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng chính sách này.

Bổ sung quy định về việc tổ chức tín dụng được nhận tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, phương sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của khách hàng; qua đó góp phần tháo gỡ khó khăn về tài sản đảm bảo cho khách hàng, đặc biệt là các tài sản có giá trị lớn trên đất nông nghiệp (như nhà kính, nhà lưới, nhà màng...).

Bổ sung quy định về quản lý dòng tiền cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp, góp phần hạn chế rủi ro tín dụng và tạo cơ sở pháp lý khuyến khích tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay.

Bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục xử lý khoanh nợ và thẩm quyền thực hiện khoanh nợ đối với khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng; tạo cơ sở để các đơn vị liên quan thực hiện nhằm tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn.

Ngoài ra, Nghị định cũng đã bổ sung quy định về ân hạn, đối với các loại cây trồng lâu năm, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời gian ân hạn gốc và lãi phù hợp với giai đoạn kiến thiết của cây trồng lâu năm./.

**TT (TH)**

## **ĐỊA CHỈ XANH**

### **QUẬN HOÀNG MAI: LĨNH NAM GIÀU CÓ NHỜ CHUYỂN ĐỔI CÂY TRỒNG**

Nhờ nhạy bén trong lựa chọn cây trồng, HTX DXNN Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai đã thành công trong việc chuyển đổi trồng cây ăn quả trên vùng đất bãi. Với giá trị kinh tế trung bình từ 300 - 450 triệu đồng/ha/năm, mô hình chuyển đổi đã giúp nhiều xã viên, nông dân làm giàu.

Điểm đáng ghi nhận trong việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Lĩnh Nam đó là HTX đã vận động những hộ không tham gia chuyển đổi hoặc thiếu nguồn lao động thì cho địa phương thuê đất để quy hoạch thành vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn.

Theo đó, đã có hơn 1.000 hộ dân ở phía trong đê và 30 hộ phía ngoài đê liên kết với nhau cho các hộ khác thuê 57ha đất ngoài vùng bãi, 8 hộ liên kết với người dân Hưng Yên thuê 30ha đất bãi cùng canh tác. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc HTX DXNN Lĩnh Nam Nguyễn Mạnh Tùng cho biết, nếu như trước đây, giá trị canh tác nông nghiệp chỉ đạt từ 90 - 110 triệu đồng/ha/năm thì nay hiệu quả từ chuyển đổi sang trồng cây ăn quả đã tăng lên rõ rệt, bình quân đạt từ 300 - 450 triệu đồng/ha/năm.

Việc nhiều nông dân vươn lên làm giàu, thậm chí trở thành tỷ phú nhờ trồng cây ăn quả đã không còn là chuyện hiếm ở Lĩnh Nam. Đơn cử như hộ anh Vũ Văn Dũng tiên phong chuyển đổi sang trồng cam Canh với mức thu nhập bình quân 300 triệu đồng/ha/năm. Năm 2007, anh Dũng thuê 4.000m<sup>2</sup> đất bãi để trồng 1.300 gốc cam Canh. Nhận thấy hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, gia đình anh Dũng quyết định thuê 2ha đất để mở rộng diện tích trồng cam Canh. Mới đây, nhờ sự giúp đỡ của HTX DXNN Lĩnh Nam, anh Dũng đã mạnh dạn thuê thêm 23ha đất bãi với mức phí 900.000 đồng/sào/năm để mở rộng mô hình. Không chỉ tích cực hỗ trợ xã viên nhân rộng mô hình chuyển đổi trồng cây ăn trên đất bãi, HTX DXNN Lĩnh Nam còn hỗ trợ kinh phí cho các xã viên đam mê nghề nông

học tập kỹ thuật để nâng cao kiến thức, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất an toàn và bền vững. Bên cạnh đó, HTX còn thường xuyên tổ chức các chuyên tham quan mô hình trồng cây ăn quả ở một số quận, huyện trên địa bàn TP và các tỉnh Hưng Yên, Hòa Bình... Qua đó, nông dân được học tập, trao đổi kinh nghiệm trồng, chăm sóc các loại cây ăn quả giá trị cao như: Cam Canh, bưởi Diễn, cam Cao Phong...

Hiện nay, HTX DXNN Lĩnh Nam đang tập trung xây dựng nhãn hiệu tập thể cam Lĩnh Nam. Cùng với đó, để đẩy mạnh xúc tiến tiêu thụ, HTX đã hợp tác với một số siêu thị và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn quận Hoàng Mai quảng bá, giới thiệu sản phẩm cam. Chỉ tính riêng năm 2017, HTX cung cấp cho thị trường hơn 2 triệu buồng chuối, hàng trăm tấn cam Canh, bưởi Diễn, nhãn, thanh long ruột đỏ chất lượng, an toàn, được người tiêu dùng đánh giá cao.

Khách hàng, doanh nghiệp có nhu cầu liên kết tiêu thụ sản phẩm vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Lĩnh Nam

Đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Tùng – Giám đốc HTX

Địa chỉ: Phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội

ĐT: 0984.184848./.

**TT (Nguồn Báo KTĐT)**

## CHUYÊN GIA GIẢI ĐÁP

### TS. NGÔ VĂN HIỂN - NGUYÊN VIỆN TRƯỞNG VIỆN BẢO VỆ THỰC VẬT

**Câu hỏi:** Gia đình tôi có một vườn chuối lá, khi trồng cây sinh trưởng, phát triển rất tốt đến lúc ra buồng thì có hiện tượng lá bị vàng, quả không lớn. Xin hỏi chuyên gia cách khắc phục?

**Trả lời:** Hiện tượng chuối lá bị vàng lá, quả không lớn sau khi trở là do bị bệnh vàng lá Panama. Bệnh này do nấm *Fusarium oxysporum* gây ra. Cây bị bệnh thường lá bị vàng, quả không lớn, thân cây nhiều khi bị nứt, cắt ngang thân thì mạch dẫn chuyển màu nâu tím, cắt ngang củ chuối, quả chuối thì bên trong ruột quả cũng bị đen...nấm gây bệnh tồn tại trong đất. Cây mẹ bị bệnh thì cây

con cũng bị bệnh.

Biện pháp phòng chống có hiệu quả bao gồm:

- Nên trồng mới bằng giống sạch bệnh từ chuối nuôi cấy mô hay từ các khóm chuối không bị bệnh. Tuyệt đối không dùng cây con từ các khóm chuối mà cây mẹ bị bệnh.

- Cần xây dựng hệ thống thoát nước trên vườn.

- Bón phân hữu cơ kết hợp với chế phẩm nấm có ích *Trichoderma* hay *Keatonium* trước khi trồng.

- Chặt bỏ và đào cả củ của khóm chuối bị bệnh ra khỏi vườn và tiêu hủy để không lây lan sang các cây khác./.

## GUƠNG SẴN XUẤT ĐIỂN HÌNH

### GUƠNG ĐIỂN HÌNH VỀ PHỤ NỮ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT GIỎI

Những năm qua phong trào phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc đã có sức lan tỏa và phát triển sâu rộng trên địa bàn huyện Thạch Thất, đã góp phần quan trọng làm thay đổi bộ mặt đời sống của người dân xứ Đoài. Trong đó phải kể đến chị Nguyễn Thị Kiểm hội viên phụ nữ Chi hội Thôn Thanh Phú, xã Lại Thượng là một điển hình về việc chịu khó, năng động vươn lên thoát nghèo bền vững nhờ thực hiện mô hình phát triển kinh tế gia đình, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Theo lời giới thiệu của chị Cấn Thị Minh – Chủ tịch Hội LHPN xã Lại Thượng, chúng tôi đến thăm mô hình làm kinh tế của gia đình chị Nguyễn Thị Kiểm năm nay 40 tuổi. Không khó để tìm được đường vào nhà chị Kiểm, qua tâm sự chị cho biết. Sau đổ vỡ trong hôn nhân chị bắt đầu làm lại từ đầu với hai bàn tay trắng nên gặp rất nhiều khó khăn. Chị phải để lại con nhỏ nhờ bố mẹ trông nom để đi lao động nước ngoài.

Sau mấy năm bán sức lao động tại nước ngoài chị đã tích góp được ít vốn về quê, mua đất ruộng sản xuất kém hiệu quả để tập trung cải tạo sản xuất nâng cao thu nhập cho gia đình. Với bản tính cần cù, chịu thương chịu khó lại có đầu óc sáng tạo nên đã dần ổn định cuộc sống. Bên cạnh đó được sự quan tâm hỗ trợ và giúp đỡ của các cấp, các ngành tạo điều kiện để chị phát triển kinh tế gia đình. Ban đầu chị cải tạo vườn tạp, trồng cây ăn quả. Qua tham khảo thị trường chị thấy trồng mít Thái hiện nay phù hợp với thị trường, đào ao thả cá, chăn nuôi gà thịt, lợn thịt, kết hợp với mở thêm cửa hàng tạp hóa phục vụ bà con xung quanh... đã giúp gia đình chị nhanh chóng vượt qua khó khăn, từ đó vươn lên làm giàu.

Hiện tại, với 1.000m<sup>2</sup> diện tích ao nuôi cá, và khoảng 100 gốc mít Thái cho quả, hàng năm trừ tất cả các khoản chi phí, mỗi năm chị thu nhập được 200 triệu đồng. Cũng chính từ nguồn thu nhập ổn định này gia đình chị Kiểm đã xây nhà

cửa kang trang, con cái có điều kiện ăn học đến nơi đến chốn, hiện con trai đầu của chị đang theo học năm thứ nhất Đại Học Văn hóa và 2 cháu con nhỏ đang theo học cấp học tiểu học và mầm non nhưng luôn khỏe mạnh, chăm ngoan.

Là hội viên phụ nữ, không những biết cách làm giàu cho bản thân, gia đình, chị Kiểm còn luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ chị em khác có hoàn cảnh khó khăn... cùng nhau vươn lên thoát nghèo.

Nhận xét về chị Kiểm, Chị Cấn Thị Minh – Chủ tịch Hội LHPN xã cho biết: chị Kiểm luôn được các cấp hội đánh giá cao về mọi mặt, đặc biệt là trong lao động sản xuất cũng như công tác hội, ngoài ra chị Kiểm còn luôn gương mẫu nêu cao tinh thần đoàn kết “lá lành đùm lá rách”, giúp đỡ các hội viên khác cùng nhau phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống. Ngoài ra chị được mọi người đánh giá là người có lòng nhân hậu, biết yêu thương, giúp đỡ những người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thông qua các hoạt động từ thiện do chị đứng ra tổ chức đã giúp đỡ được rất nhiều những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, những em bé vùng cao... Bên cạnh đó chị còn tích cực trong các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của địa phương. Nhiều năm liền chị đạt danh hiệu “Phụ nữ năng động sáng tạo, đảm đang”, bản thân chị được Hội Liên Hiệp phụ nữ các cấp biểu dương là nhân tố điển hình về phát triển kinh tế, luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào, cuộc vận động do các cấp Hội phát động.

Có thể nói, chị Nguyễn Thị Kiểm là tấm gương điển hình về tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, biết vươn lên làm giàu chính đáng. Những kết quả đạt được hôm nay của chị Kiểm thật đáng trân trọng. Chị đã góp phần tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ nông thôn, xứng đáng là tấm gương sáng để chị em phụ nữ học tập và noi theo./.

**Vương Thị Chung**

**ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG**

**Đối với mặt hàng lương thực:** Diện tích lúa mùa sớm ở các tỉnh miền Bắc và thành phố Hà Nội đang chuẩn bị bước vào thu hoạch vì thế giá bán lẻ các mặt hàng gạo trên thị trường cũng duy trì ổn định. Giá gạo Xi dẻo dao động từ 12.000 - 13.000 đ/kg, gạo Bắc thơm số 7 có giá phổ biến từ 14.500 - 15.500 đ/kg, gạo Điện Biên, Hải Hậu dao động từ 16.500 - 17.500 đ/kg, gạo nếp cái hoa vàng dao động quanh mức từ 25.000 - 27.000 đ/kg; Đối với các mặt hàng đậu đỗ các loại giá bán cũng duy trì như sau: Đậu xanh có vỏ giá từ 45.000 - 48.000 đ/kg, đậu đen giá 50.000 - 55.000 đ/kg, lạc nhân giá bán vẫn phổ biến từ 48.000 - 50.000 đ/kg.

**Đối với các mặt hàng thực phẩm:** Tuần qua, trên thị trường, giá lợn hơi xuất chuồng vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao, thậm chí có ngày giá lợn tăng nhẹ tùy theo (khu vực) nhưng nhìn chung giá bán vẫn phổ biến từ 51.000 - 53.000 đ/kg, theo dự báo trước những biến động của thị trường khu vực thì giá lợn hơi trong nước trong thời gian tới sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao và tiếp tục tăng cao trong thời gian tới. Bên cạnh đó giá bán lẻ các mặt hàng thịt lợn tại các chợ vẫn giữ ở mức cao, thịt mỡ sẵn vẫn phổ biến từ 85.000 - 90.000 đ/kg; thịt ba chỉ giá từ 100.000 - 110.000 đ/kg, thịt bò giá dao động ở mức từ 240.000 - 280.000 đ/kg; gà ta hơi có giá từ 110.000 - 130.000 đ/kg; sau một thời gian giảm giá đến nay giá vịt hơi trên

thị trường đang dao động quanh mức từ 40.000 - 45.000 đ/kg; Cá trắm giá từ 65.000 - 70.000 đ/kg, Cá rô phi giá 40.000 - 45.000 đ/kg, ngao giá 18.000 - 20.000 đ/kg, cua đồng có giá từ 140.000 - 160.000 đ/kg,..

**Đối với các mặt hàng rau, củ, quả:** Hiện nay, diện tích rau vụ hè đã vào cuối vụ thu hoạch trong khi đó do ảnh hưởng của thời tiết diện tích rau vụ thu đông lại chưa cho thu hoạch vì thế lượng rau, củ, quả cung cấp cho thị trường giảm mạnh, nhiều mặt hàng rau cũng tăng cao. Rau cải ngọt có giá từ 20.000 - 25.000 đ/kg, rau muống, rau mùng tơi giá từ 5.000 - 6.000 đ/mớ, rau ngót có giá 7.000 đ/mớ, mướp hương giá từ 15.000 - 18.000 đ/kg, cà chua dao động ở mức từ 16.000 - 20.000 đ/kg. Đối với một số mặt hàng trái cây có giá như sau: Na có giá từ 35.000 - 40.000 đ/kg, hồng ngâm, nhãn chín muộn giá bán từ 25.000 - 30.000 đ/kg, thanh long giá từ 30.000 - 35.000 đ/kg, lựu giá từ 20.000 - 25.000 đ/kg,..

**Về vật tư nông nghiệp:** Hiện nay nhu cầu sử dụng phân bón đã giảm, giá bán lẻ mặt hàng này tại một số đại lý đang dao động như sau: Đạm urê ngoại có giá từ 8.500 - 9.500 đ/kg, NPK Văn Điển 5.10.3 giá bán 4.200 - 4.800 đ/kg, Kali giá 9.000 - 10.000 đ/kg, lân Văn Điển giá từ 3.800 - 4.000 đ/kg./.

**NB (TH)****\* Thị trường thế giới****XUẤT KHẨU GẠO 8 THÁNG NĂM 2018 TĂNG CẢ VỀ KHỐI LƯỢNG VÀ KIM NGẠCH**

Xuất khẩu gạo tăng mạnh về lượng và kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn vẫn tiếp tục tăng.

Tháng 8/2018 xuất khẩu tiếp tục tăng mạnh về lượng và kim ngạch so với các tháng trước. Giá gạo xuất khẩu trung bình trong tháng 8 đạt 489,1 USD/tấn. Giá trung bình trong 8 tháng đầu năm đạt 504,4 USD/tấn, tăng hơn 14,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường hàng đầu về tiêu thụ gạo của Việt Nam vẫn là Trung Quốc chiếm gần 1/4 tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Giá gạo xuất sang Trung Quốc tăng đạt trung bình 521,2 USD/tấn.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo sang Indonesia trong tháng 8 sụt giảm rất mạnh, nhưng tính chung cả 8 tháng đầu năm thì tăng rất mạnh gấp 50,2 lần về lượng và tăng gấp 67,1 lần về kim ngạch so với cùng kỳ.

Philippines là thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ 3 của Việt Nam, tháng 8/2018 xuất khẩu sang Philippines tăng mạnh. Philippines cũng có nhu cầu nhập khẩu thêm 500.000 - 800.000 tấn từ nay đến cuối năm để bổ sung kho dự trữ đang cạn kiệt và ổn định giá gạo trong nước./.

**TT (Theo chinhphu.vn)**

# GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

## GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 18 tháng 9 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ Sơn Tây | Chợ Vân Đình Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi Thường Tín | Chợ Cầu Diễn Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm Long Biên | Chợ Tô Đông Anh | Chợ Tả Thanh Trì |
|----|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-----------------|------------------|
| 1  | Lúa Khang Dân        | loại 1 | 7.000           | 6.800       | 7.000            | 6.800                | 8.000                | 6.300              | 8.000                |                        | 7.500           | 7.000            |
| 2  | Gạo Khang Dân        | loại 1 | 12.000          | 12.000      | 11.000           | 12.000               | 12.000               | 10.000             | 12.500               | 12.000                 | 11.500          | 12.000           |
| 3  | Gạo bắc thơm         | loại 1 | 14.000          | 15.500      | 14.000           | 15.000               | 15.000               | 14.000             |                      | 16.000                 | 15.000          | 15.000           |
| 4  | Gạo Xi 23            | loại 1 | 12.000          | 12.500      | 12.000           | 12.000               | 13.000               | 11.000             | 13.500               | 12.000                 | 12.500          | 12.000           |
| 5  | Gạo Điện Biên        | loại 1 | 15.000          | 16.000      | 16.500           | 15.500               |                      | 14.000             |                      | 18.000                 | 17.000          | 17.000           |
| 6  | Gạo Hải Hậu          | loại 1 | 18.000          | 17.000      | 16.000           | 15.500               |                      | 14.000             | 17.000               | 15.000                 | 16.000          | 16.000           |
| 7  | Gạo tám Thái         | loại 1 | 20.000          | 16.000      | 18.000           | 16.000               |                      | 16.000             | 22.000               | 18.000                 | 20.000          | 18.000           |
| 8  | Gạo nếp cái hoa vàng | loại 1 | 25.000          | 16.500      | 27.000           | 25.000               | 25.000               | 25.000             | 26.000               | 26.000                 | 30.000          | 25.000           |
| 9  | Gạo nếp cẩm          | loại 1 | 38.000          | 26.000      | 29.000           | 30.000               |                      | 40.000             | 28.000               | 30.000                 | 32.000          | 30.000           |
| 10 | Đậu tương            | loại 1 | 25.000          | 30.000      | 22.000           | 21.000               | 20.000               | 22.000             | 25.000               | 32.000                 | 22.000          | 22.000           |
| 11 | Đậu xanh có vỏ       | loại 1 | 32.000          | 23.000      | 45.000           | 40.000               | 35.000               | 36.000             | 52.000               |                        | 45.000          | 40.000           |
| 12 | Lạc nhân             | loại 1 | 50.000          | 40.000      | 50.000           | 50.000               | 40.000               | 50.000             | 55.000               | 50.000                 | 45.000          | 50.000           |
| 13 | Đậu đen              | loại 1 | 50.000          | 50.000      | 50.000           | 45.000               | 50.000               | 40.000             | 52.000               | 50.000                 | 46.000          | 45.000           |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Ngày 18 tháng 9 năm 2018*

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách     | Loại   | Chợ Yên Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ Sơn Tây | Chợ Vân Đình Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi Thường Tín | Chợ Cầu Diễn Nam Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm Long Biên | Chợ Tô Đông Anh | Chợ Tả Thanh Oai Thanh Trì |
|----|--------------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Thịt lợn mông sẵn        | loại 1 |                 | 100.000     | 95.000           | 90.000               | 90.000               |                    | 100.000                  | 90.000                 | 90.000          | 90.000                     |
| 2  | Thịt lợn nạc thăn        | loại 1 | 95.000          | 105.000     | 100.000          | 100.000              | 110.000              | 96.000             | 110.000                  | 90.000                 | 100.000         | 100.000                    |
| 3  | Thịt lợn ba chỉ          | loại 1 | 100.000         | 100.000     | 100.000          | 100.000              | 100.000              | 96.000             | 100.000                  | 85.000                 | 100.000         | 100.000                    |
| 4  | Thịt bò thăn             | loại 1 | 270.000         | 270.000     | 250.000          | 250.000              | 250.000              | 230.000            | 280.000                  | 260.000                | 220.000         | 260.000                    |
| 5  | Thịt bò mông             | loại 1 | 250.000         | 230.000     | 240.000          | 240.000              | 250.000              | 210.000            | 260.000                  | 250.000                | 220.000         | 240.000                    |
| 6  | Gà ta hơi                | loại 1 | 100.000         | 110.000     | 120.000          | 110.000              | 120.000              | 100.000            | 130.000                  | 120.000                | 100.000         | 120.000                    |
| 7  | Gà ta nguyên con làm sẵn | loại 1 |                 | 140.000     | 130.000          | 140.000              | 160.000              | 150.000            | 175.000                  | 150.000                |                 | 140.000                    |
| 8  | Gà công nghiệp hơi       | loại 1 |                 | 45.000      | 35.000           | 40.000               | 40.000               | 40.000             |                          |                        |                 | 45.000                     |
| 9  | Gà CN nguyên con làm sẵn | loại 1 |                 | 65.000      | 55.000           | 60.000               | 55.000               | 60.000             |                          | 70.000                 | 70.000          | 65.000                     |
| 10 | Vịt hơi                  | loại 1 | 50.000          | 45.000      | 37.000           | 40.000               | 43.000               | 39.000             |                          |                        |                 | 45.000                     |
| 11 | Vịt nguyên con làm sẵn   | loại 1 | 65.000          | 60.000      | 60.000           | 60.000               | 68.000               | 60.000             | 85.000                   | 70.000                 | 75.000          | 65.000                     |
| 12 | Ngan hơi                 | loại 1 | 52.000          | 60.000      | 52.000           | 50.000               | 51.000               | 52.000             | 70.000                   | 70.000                 | 70.000          | 55.000                     |
| 13 | Ngan nguyên con làm sẵn  | loại 1 | 67.000          | 75.000      | 70.000           | 70.000               | 85.000               | 75.000             | 90.000                   | 80.000                 | 85.000          | 75.000                     |
| 14 | Cá chép > 1kg            | loại 1 | 65.000          | 60.000      | 60.000           | 60.000               | 72.000               |                    | 70.000                   | 60.000                 | 85.000          | 60.000                     |
| 15 | Cá trắm > 2kg            | loại 1 | 70.000          | 65.000      | 55.000           | 60.000               | 70.000               | 60.000             | 75.000                   | 90.000                 | 80.000          | 65.000                     |
| 16 | Cá quả                   | loại 1 | 90.000          | 130.000     | 100.000          | 130.000              | 120.000              | 110.000            | 120.000                  | 100.000                | 100.000         | 110.000                    |
| 17 | Ngao                     | loại 1 | 20.000          | 15.000      | 15.000           | 15.000               | 18.000               | 15.000             | 22.000                   | 17.000                 | 25.000          | 18.000                     |
| 18 | Tôm sú                   | loại 1 |                 | 480.000     | 400.000          | 370.000              |                      |                    | 350.000                  | 320.000                | 400.000         | 380.000                    |
| 19 | Cua đồng                 | loại 1 | 160.000         | 160.000     | 130.000          | 170.000              | 150.000              | 140.000            | 120.000                  |                        | 150.000         | 150.000                    |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ, QUẢ TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 18 tháng 9 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ Sơn Tây | Chợ Vân Đình Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi Thường Tín | Chợ Cầu Diễn Nam Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm Long Biên | Chợ Tô Đông Anh | Chợ Tạ Thanh Oai Thanh Trì |
|----|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Cam sành             | loại 1 | 30.000          | 50.000      | 40.000           | 40.000               | 40.000               | 35.000             | 45.000                   | 40.000                 | 35.000          | 35.000                     |
| 2  | Dứa hấu Miền Nam     | loại 1 | 16.000          | 15.000      | 15.000           | 17.000               | 18.000               | 15.000             | 20.000                   | 17.000                 | 18.000          | 17.000                     |
| 3  | Nhãn                 | loại 1 | 20.000          | 30.000      | 25.000           | 25.000               | 25.000               | 20.000             | 25.000                   | 20.000                 | 30.000          | 25.000                     |
| 4  | Xoài cát chu         | loại 1 | 25.000          | 40.000      | 40.000           | 35.000               |                      | 32.000             | 50.000                   |                        | 30.000          | 40.000                     |
| 5  | Thanh long           | loại 1 |                 | 30.000      | 30.000           | 40.000               | 35.000               | 35.000             | 35.000                   | 35.000                 | 25.000          | 40.000                     |
| 6  | Nho xanh             | loại 1 | 65.000          | 75.000      | 60.000           | 60.000               | 80.000               | 60.000             | 85.000                   | 75.000                 | 70.000          |                            |
| 7  | Ổi                   | loại 1 | 15.000          | 20.000      | 15.000           | 15.000               | 20.000               | 15.000             | 20.000                   | 15.000                 | 15.000          | 15.000                     |
| 8  | Na                   | loại 1 | 40.000          | 40.000      | 40.000           | 50.000               | 50.000               | 40.000             | 30.000                   | 40.000                 | 40.000          | 40.000                     |
| 9  | Lựu                  | loại 1 | 30.000          | 30.000      | 30.000           | 30.000               | 25.000               | 30.000             | 25.000                   | 30.000                 | 30.000          | 30.000                     |
| 10 | Chôm chôm            | loại 1 | 25.000          | 40.000      | 25.000           | 35.000               | 20.000               | 30.000             | 35.000                   | 35.000                 | 30.000          | 35.000                     |
| 11 | Cà chua              | loại 1 | 20.000          | 25.000      | 25.000           | 20.000               |                      | 17.000             | 20.000                   | 20.000                 | 18.000          | 17.000                     |
| 12 | Bí đao               | loại 1 | 20.000          | 15.000      | 15.000           | 19.000               | 17.000               | 16.000             | 18.000                   | 15.000                 | 15.000          | 13.000                     |
| 13 | Khoai tây            | loại 1 | 17.000          | 15.000      | 15.000           | 13.000               | 12.000               | 13.000             | 15.000                   | 15.000                 | 13.000          | 15.000                     |
| 14 | Rau cải ngọt         | loại 1 | 18.000          | 20.000      | 20.000           | 20.000               | 20.000               | 18.000             | 20.000                   | 20.000                 | 18.000          | 18.000                     |
| 15 | Rau ngót             | loại 1 | 3.000           | 6.000       | 5.000            | 3.000                | 5.000                | 5.000              | 6.000                    | 7.000                  | 5.000           | 6.000                      |
| 16 | Mướp hương           | loại 1 | 15.000          | 15.000      |                  | 14.000               | 15.000               | 18.000             | 15.000                   | 15.000                 | 10.000          | 15.000                     |
| 17 | Dứa chuột            | loại 1 |                 | 15.000      | 15.000           | 10.000               | 15.000               | 10.000             |                          | 12.000                 | 13.000          | 12.000                     |
| 18 | Rau mùng tơi (mớ)    | loại 1 | 3.000           | 6.000       | 5.000            | 4.000                | 4.000                | 3.000              | 6.000                    | 7.000                  | 4.000           | 6.000                      |
| 19 | Rau muống (mớ)       | loại 1 | 3.000           | 6.000       | 5.000            | 4.000                | 3.000                | 4.000              | 6.000                    | 5.000                  | 3.000           | 6.000                      |
| 20 | Hoa hồng đỏ (bông)   | loại 1 | 3.500           | 5.000       | 5.000            | 5.000                | 6.000                | 2.000              | 6.000                    | 5.000                  | 4.000           | 5.000                      |
| 21 | Hoa ly hồng (cành)   | loại 1 |                 | 30.000      | 25.000           | 30.000               | 35.000               | 22.000             | 30.000                   | 30.000                 | 25.000          | 30.000                     |
| 22 | Hoa cúc vàng (bông)  | loại 1 |                 | 6.000       | 5.000            | 5.000                | 5.000                | 3.000              | 6.000                    |                        | 5.000           | 5.000                      |



# GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN, THỰC PHẨM TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

Ngày 18 tháng 9 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| STT | Mặt hàng và quy cách    | Loại   | Nam Định | Bắc Giang | Hưng Yên |
|-----|-------------------------|--------|----------|-----------|----------|
| 1   | Thóc tẻ (KD, Q5)        | loại 1 | 7.000    | 7.000     | 7.000    |
| 2   | Gạo Xi 23               | loại 1 | 11.000   | 11.000    | 12.000   |
| 3   | Đậu tương               | loại 1 | 22.000   | 23.000    | 23.500   |
| 4   | Đậu xanh tách vỏ        | loại 1 | 49.000   | 50.000    | 48.000   |
| 5   | Lạc nhân                | loại 1 | 45.000   | 48.000    | 48.000   |
| 6   | Miến dong               | loại 1 | 72.000   | 75.000    | 70.000   |
| 7   | Thịt lợn hơi            | loại 1 | 53.000   | 52.000    | 53.000   |
| 8   | Thịt mông sẵn           | loại 1 | 95.000   | 95.000    | 95.000   |
| 9   | Gà Tam hoàng hơi        | loại 1 | 70.000   | 70.000    | 72.000   |
| 10  | Gà ta hơi               | loại 1 | 100.000  | 100.000   | 100.000  |
| 11  | Gà Ai cập hơi           | loại 1 | 78.000   | 75.000    | 80.000   |
| 12  | Vịt hơi                 | loại 1 | 43.000   | 40.000    | 40.000   |
| 13  | Thịt bò thăn            | loại 1 | 250.000  | 250.000   | 250.000  |
| 14  | Trứng gà ta (quả)       | loại 1 | 4.000    | 4.000     | 4.000    |
| 15  | Trứng chim cút (10 quả) | loại 1 | 7.500    | 7.500     | 7.500    |
| 16  | Tôm sú                  | loại 1 | 420.000  | 430.000   | 430.000  |
| 17  | Cá quả                  | loại 1 | 100.000  | 100.000   | 100.000  |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG RAU, CỦ, QUẢ TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

Ngày 18 tháng 9 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| STT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Nam Định | Bắc Giang | Hưng Yên |
|-----|----------------------|--------|----------|-----------|----------|
| 1   | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 15.000   | 12.000    | 13.000   |
| 2   | Na                   | loại 1 | 35.000   | 40.000    | 35.000   |
| 3   | Xoài cát chu         | loại 1 | 35.000   | 35.000    | 35.000   |
| 4   | Nhãn                 | loại 1 | 25.000   | 25.000    | 20.000   |
| 5   | Chanh leo            | loại 1 | 35.000   | 35.000    | 35.000   |
| 6   | Cà rốt               | loại 1 | 15.000   | 17.000    | 17.000   |
| 7   | Hành tây             | loại 1 | 17.000   | 17.000    | 17.000   |
| 8   | Khoai tây            | loại 1 | 15.000   | 15.000    | 15.000   |
| 9   | Cà chua              | loại 1 | 20.000   | 20.000    | 20.000   |
| 10  | Rau mùng tơi (mớ)    | loại 1 | 4.000    | 4.000     | 5.000    |
| 11  | Chanh (quả tươi)     | loại 1 | 25.000   | 25.000    | 25.000   |
| 12  | Tỏi ta khô           | loại 1 | 55.000   | 55.000    | 55.000   |
| 13  | Dưa chuột            | loại 1 | 13.000   | 14.000    | 13.000   |
| 14  | Rau dền (mớ)         | loại 1 | 5.000    | 5.000     | 5.000    |
| 15  | Hành củ ta khô       | loại 1 | 70.000   | 65.000    | 65.000   |
| 16  | Mướp hương           | loại 1 | 14.000   | 15.000    | 15.000   |

## DỰ BÁO

### NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị, người đại diện   | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|--|---|--|
| 1  | HTX Nông nghiệp Quảng Yên<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Dũng                            | Xã Yên Sơn,<br>huyện Quốc Oai,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0169.4158.922                       | Chuyên sản xuất và tiêu thụ rau, củ các loại: Su hào, bắp cải, cà tím, cải ngọt, rau bí, cải cay, cải ngồng, xà lách, cà chua. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.   |
| 2  | Công ty CP Rau an toàn Hà Nội<br>Đại diện:<br>Lê Văn Tú                              | Phường Minh Khai,<br>quận Bắc Từ Liêm,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0982.866.516                | Công ty chuyên sản xuất và tiêu thụ rau an toàn: Bầu bí, cà chua, cải bắp, đậu đũa, đậu trạch, dưa chuột, mồng tơi, mướp hương, cải xanh, cải ngọt, cải ngồng, cải chíp, hành lá, ớt, mùi, thì là, ớt, rau muống, rau ngót, su hào, súp lơ. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.  |
| 3  | HTX Dịch vụ nông nghiệp Yên Mỹ<br>Đại diện:<br>Trần Đức Vinh                         | Xã Yên Mỹ,<br>huyện Thanh Trì,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0126.215.928                        | Chuyên sản xuất và tiêu thụ rau an toàn các loại: Su hào, bắp cải, cà chua, súp lơ, rau cải các loại... Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.  |
| 4  | Hộ sản xuất rau hữu cơ ứng dụng công nghệ cao Cuối Quý<br>Đại diện:<br>Đặng Thị Cuối | Thôn Đoài Khê,<br>xã Đan Phượng,<br>huyện Đan Phượng,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0986.758.153 | Với diện tích khoảng 4,6 ha trồng nhiều loại rau như su hào ăn lá, cải mơ trắng, măng tây xanh, khoai tây, bắp cải, su hào... ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm, cho sản lượng ước tính 3 tạ rau/ngày, trung bình mỗi tháng cho thu nhập trên 100 triệu đồng. Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất an toàn và sản phẩm có tem truy xuất nguồn gốc. |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất,<br>kinh doanh   |
|----|---|--|--|
| 1  | Công ty Cổ phần thuốc<br>Thú y Trung ương 1<br>Đại diện:<br>Lê Đức Liên   | Số 88 Trường Chinh,<br>phường Phương Mai,<br>quận Đống Đa, Hà Nội<br>ĐT:024.3868.5584    | Chuyên cung cấp thuốc thú y. Công ty có những sản phẩm đạt chất lượng cao, đa dạng và phong phú về chủng loại. Thế mạnh đặc biệt của công ty CP thuốc thú y TWI là những sản phẩm về kháng sinh đặc biệt là những kháng sinh đặc trị các bệnh về tiêu hóa, hô hấp đã được các bác sĩ thú y, các chủ trang trại và người chăn nuôi công nhận. |
| 2  | Công ty CP Xuất nhập<br>khẩu dược Thú y NaSa<br>Đại diện:<br>Trần Văn Dai | Tổ 20 đường Bê Tông,<br>phường Thịnh Liệt,<br>quận Hoàng Mai, Hà Nội<br>ĐT:024.2212.6154 | Thành lập năm 2006, đến nay, Công ty đã trở thành một trong những đơn vị có uy tín hàng đầu trong việc sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Các sản phẩm của công ty được giới thiệu tại các cửa hàng trên toàn quốc.   |
| 3  | Cửa hàng thuốc thú y<br>Phương Nam<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Nam         | Xã Việt Hùng,<br>huyện Đông Anh, Hà Nội<br>ĐT: 0983.939.814                              | Chuyên kinh doanh thuốc thú y các loại. Thị trường tiêu thụ rộng khắp huyện Đông Anh và các vùng lân cận.  |
| 4  | Cửa hàng kinh doanh<br>thuốc thú y<br>Đại diện:<br>Lê Đình Vinh           | Xã Võng Xuyên,<br>huyện Phúc Thọ, Hà Nội<br>ĐT: 0967.966.986                             | Chuyên kinh doanh thuốc thú y các loại. Thị trường tiêu thụ rộng khắp huyện Phúc Thọ và các vùng lân cận.  |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện                                      | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất,<br>kinh doanh   |
|----|--|--|--|
| 1  | Cửa hàng gạo Thủy Phú<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Thủy          | Xã Việt Hùng,<br>huyện Đông Anh, Hà Nội<br>ĐT: 0989.065.786    | Chuyên bán buôn, bán lẻ các loại gạo với số lượng lớn. Thị trường tiêu thụ rộng khắp huyện Đông Anh và các vùng lân cận.                                     |
| 2  | Cửa hàng Thanh Thăng<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Thanh          | Xã Việt Hùng,<br>huyện Đông Anh, Hà Nội<br>ĐT: 0975.623.651    | Chuyên cung cấp các loại ngô, gạo, thức ăn chăn nuôi với số lượng lớn, đảm bảo chất lượng. Thị trường tiêu thụ rộng khắp huyện Đông Anh và các vùng lân cận. |
| 3  | Đại lý gạo<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Lan Phương               | Phường Phú Đô,<br>quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br>ĐT: 0975.152.050 | Chuyên bán buôn, bán lẻ các loại gạo với số lượng lớn. Thị trường tiêu thụ rộng khắp quận Nam Từ Liêm và các vùng lân cận.                                   |
| 4  | Cửa hàng kinh doanh<br>nông sản<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Cúc | Phường Phú Đô,<br>quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br>ĐT: 0985.873.758 | Chuyên cung cấp nông sản các loại. Thị trường tiêu thụ rộng khắp quận Nam Từ Liêm và các vùng lân cận.   |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất,<br>kinh doanh   |
|----|---|--|--|
| 1  | Xí nghiệp thủy sản và<br>dịch vụ du lịch Suối Hai<br>Đại diện:<br>Cao Xuân Trường | Xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0912.792.676  | Chuyên cung cấp nhiều loại cá giống,<br>tôm, cá thương phẩm phục vụ khu vực<br>Hà Nội và các khu vực lân cận.                  |
| 2  | Trang trại chăn nuôi và<br>nuôi trồng thủy sản<br>Đại diện:<br>Phùng Việt Định    | Xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0974.356.946  | Chuyên cung cấp nhiều loại cá giống, cá<br>thương phẩm, lợn thương phẩm phục<br>vụ khu vực Hà Nội và một số khu vực<br>lân cận |
| 3  | Trang trại chăn nuôi và<br>nuôi trồng thủy sản<br>Đại diện:<br>Chu Hữu Quy        | Xã Vật Lại, huyện Ba Vì,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0904.553.048   | Chuyên cung cấp lợn giống và cá thương<br>phẩm phục vụ khu vực Hà Nội và một số<br>khu vực lân cận.                            |
| 4  | Trang trại nuôi trồng<br>thủy sản<br>Đại diện:<br>Phạm Thế Mỹ                     | Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0978.226.065 | Chuyên cung cấp nhiều loại cá giống, cá<br>thương phẩm phục vụ khu vực Hà Nội và<br>một số khu vực lân cận.                    |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện  | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|--|---|--|
| 1  | Xưởng sản xuất<br>tăm hương<br>Đại diện:<br>Đỗ Thị Thảo              | Thôn Phú Lương Thượng,<br>xã Quảng Phú Cầu,<br>huyện Ứng Hòa, Hà Nội<br>ĐT: 0169.717.6863 | Chuyên bán buôn, bán lẻ tăm hương với số lượng lớn. Thị trường tiêu thụ rộng khắp huyện Ứng Hòa và các vùng lân cận.   |
| 2  | Cơ sở sản xuất đồ gỗ<br>mỹ nghệ<br>Đại diện:<br>Doan Hưng            | Xã Chuyên Mỹ,<br>huyện Phú Xuyên, Hà Nội<br>ĐT: 0975.631.819                              | Chuyên khảm sập, tủ chè, hoành phi câu đối, tranh... đảm bảo chất lượng. Thị trường tiêu thụ rộng khắp Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước.                  |
| 3  | Cơ sở sản xuất đồ gỗ<br>chạm khảm<br>Đại diện:<br>Đức Phát           | Xã Chuyên Mỹ,<br>huyện Phú Xuyên, Hà Nội<br>ĐT: 0984.367.679                              | Chuyên bán buôn, bán lẻ các loại: bàn ghế, sập gụ, tủ chè, đồng hồ... đảm bảo chất lượng. Thị trường tiêu thụ rộng khắp Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước. |
| 4  | Công ty Cổ phần<br>Gốm sứ Nét Sơn<br>Đại diện:<br>Ngô Thị Phương Lan | Xã Bát Tràng,<br>huyện Gia Lâm, Hà Nội<br>ĐT: 0904.220.559                                | Kinh doanh sản phẩm đồ gốm sứ các loại đảm bảo chất lượng. Cơ sở có nhu cầu kết nối giới thiệu sản phẩm trên phạm vi cả nước.                                    |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|---|---|--|
| 1  | Hợp tác xã rau an toàn<br>và kinh doanh dịch vụ<br>tổng hợp Tân Đức<br>Đại diện:<br>Phùng Minh Phúc | Xã Đạo Đức,<br>huyện Vị Xuyên,<br>tỉnh Hà Giang<br>ĐT: 0962.119.538         | Chuyên sản xuất và tiêu thụ rau an toàn<br>các loại: Rau bí, mồng tơi, cải xanh, mướp,<br>đậu bắp, rau muống, rau dền... Sản phẩm<br>đã được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu<br>chuẩn VietGAP.                 |
| 2  | Hợp tác xã sản xuất rau<br>an toàn Học Lập<br>Đại diện:<br>Nông Văn Học                             | Thị trấn Vị Xuyên,<br>huyện Vị Xuyên,<br>tỉnh Hà Giang<br>ĐT: 0168.6273.246 | Chuyên sản xuất và tiêu thụ rau an toàn các<br>loại: Bí xanh, bí đỏ, dưa... Sản phẩm đã được<br>cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn<br>VietGAP.  |
| 3  | HTX Nông sản Mộc Châu<br>Đại diện:<br>Lê Văn Các  | Xã Đông Sang,<br>huyện Mộc Châu,<br>tỉnh Sơn La<br>ĐT: 0982.517.12          | Chuyên sản xuất và tiêu thụ quả hồng, bơ.<br>Sản phẩm đã được cấp chứng nhận sản xuất<br>theo tiêu chuẩn VietGAP.  |
| 4  | HTX Nông nghiệp<br>Chiềng Phú<br>Đại diện:<br>Hà Văn Dự   | Xã Chiềng Păn,<br>huyện Yên Châu,<br>tỉnh Sơn La<br>ĐT: 0162.721.5808       | Chuyên sản xuất và tiêu thụ rau các loại: Cà<br>pháo, bắp cải, su hào, cải thảo, cải Đông Dư,<br>cải ngọt, cải mè, cà chua, mướp đắng... Sản<br>phẩm đã được cấp chứng nhận sản xuất theo<br>tiêu chuẩn VietGAP. |